

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 435/QĐ-ĐHTĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đố)

- Tên chương trình** : Chương trình cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo** : Đại học hệ Chính quy
- Ngành đào tạo** : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Mã số** : 7510605
- Loại hình đào tạo** : Chính quy
- Thời gian đào tạo** : 3,5 năm

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;

Căn cứ Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng-an ninh;

Căn cứ Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Căn cứ hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Tham khảo chương trình đào tạo đại học, hệ chính quy của các trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Ngoại thương, Đại học Sư Phạm Kỹ thuật TP.HCM

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có kiến thức, kỹ năng, và thái độ phù hợp để phân tích, đánh giá, thiết kế, vận hành, và cải tiến các hệ thống logistics và chuỗi cung ứng. Cử nhân tốt nghiệp từ ngành có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, sáng tạo trong giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thích ứng với những thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời; có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức

G1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị, cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...;

G2. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ Logistic và quản lý chuỗi cung ứng cũng như các kiến thức bổ trợ cho ngành nghề

1.2.2 Kỹ năng:

G3. Trang bị cho người học các kỹ năng phân tích, đánh giá các hoạt động liên quan ngành nghề, ứng phó với sự thay đổi của môi trường.

G4. Trang bị các kỹ năng mềm như giao tiếp, đàm phán thương lượng, làm việc nhóm...

G5. Trang bị các kỹ năng về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

1.2.3 Thái độ:

G6. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, tự chịu trách nhiệm về đạo đức và nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ, kỹ năng học tập suốt đời; có khả năng nghiên cứu khoa học, năng lực học tập sau đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và các ngành có liên quan.

G7. Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu

cầu của công việc, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Về kiến thức:

LO1. Nắm vững những kiến thức cơ bản về chính trị, cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...;

LO2. Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế; đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;

LO3. Đánh giá các phương pháp thiết kế thực nghiệm, thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành hệ thống và

LO4. Phân tích, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

LO5. Phân tích và lập kế hoạch hàng dự trữ; lập được phương án với hệ thống phân phối và quản lý kho hàng; xây dựng và giám sát kế hoạch vận tải, kế hoạch mua hàng; áp dụng được các loại hình công nghệ thông tin phù hợp.

2.2 Về kỹ năng:

2.2.1 Kỹ năng chuyên môn

LO6. Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến kỹ năng xây dựng và triển khai các dự án, kế hoạch trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

LO7. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

LO8. Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến thiết lập các giải pháp mới trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng theo xu hướng phát triển chung của xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ.

2.2.2 Kỹ năng mềm:

LO9. Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

LO10. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế.

LO11. Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

LO12. Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

LO13. Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;

LO14. Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn chủ động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc.

LO15. Có khả năng làm việc độc lập, trách nhiệm, sáng tạo, trung thực, ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3. Cơ hội nghề nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp có khả năng:

o Làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics và các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ logistics trong nước và ngoài nước; các tập đoàn, tổng công ty; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện và các chi nhánh của công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam ở nước ngoài; các công ty liên doanh quốc tế, các tổ chức quốc tế; các hiệp hội nghề nghiệp; các công ty tư vấn.

o Vị trí việc làm chủ yếu: chuyên viên/quản lý vận tải, kho bãi, cung ứng, xuất nhập khẩu, chuyên viên tư vấn quản lý chuỗi cung ứng.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sỹ và tiến sỹ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

5. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ (Bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

7. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

8.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

8.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

9. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5

Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần tích lũy.

10. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

10.1 Khung chương trình gồm 141 tín chỉ (TC), bao gồm học phần giáo dục thể chất (3TC tiết) và Giáo dục Quốc phòng (8TC). Cụ thể:

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TC
1. Kiến thức giáo dục đại cương	46
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
Kiến thức cơ sở ngành	23
Kiến thức ngành	45
Phần tự chọn	15
3. Thực tập và tốt nghiệp	12
TỔNG	141

10.2 Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1 Kiến thức đại cương : 46 tín chỉ					
1	0301001769	Triết học Mác – Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	

3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
7	0301001080	Toán kinh tế	3	2	1
8	0301002101	Toán cao cấp	3	3	
9	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
10	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
11	0301001673	Tin học căn bản	3		3
12	0301000946	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1	4	4	
13	0301000947	Tiếng Anh định hướng ToEIC 2	4	4	
14	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
16	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
17	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
18	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
19	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
20	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
21	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
22	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
23	0301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh**	8		8
Tổng			35+11		
2 Kiến thức cơ sở khối ngành :23 tín chỉ					
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	0301002410	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301002411	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
3	0301002557	Kinh tế quốc tế	3	2	1
4	0301001078	Quản trị học	3	2	1
5	0301002412	Nguyên lý kế toán	3	2	1

6	0301002533	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
7	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
8	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
Tổng			23		
3 Kiến thức ngành : 72 tín chỉ					
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
3.1. Phần bắt buộc			45		
1	0301002535	Tiếng Anh chuyên ngành 1- Logistics	3	3	
2	0301002536	Tiếng Anh chuyên ngành 2 – Logistics	3	3	
3	0301002560	Thanh toán quốc tế	3	2	1
4	0301000294	Luật thương mại quốc tế	3	3	
5	0301002537	Nguyên lý cơ bản về logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	3	
6	0301001841	Nghiệp vụ hải quan	3	2	1
3	0301002558	Quản trị sản xuất	3	2	1
8	0301002550	Vận tải biển và hàng không	3	2	1
9	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
10	0301000687	Thuế	2	1	1
11	0301000626	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	2	1
12	0301002546	Quản lý vận tải và khai thác cảng	3	2	1
13	0301002541	Quản lý kho hàng và phân phối	3	2	1
14	0301002549	Thực tập nghề nghiệp – Logistics	4		4
15	0301002552	Lập kế hoạch logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	2	1
2. Học phần tự chọn			15		
1	0301000439	Quản trị chất lượng	3	2	1
2	0301002538	Quản lý nhà nước về hải quan	3	3	
3	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
4	0301002542	Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng	3	2	1

5	0301002543	Truyền thông trong kinh doanh quốc tế	3	2	1
6	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	2	1
7	0301002545	Đàm phán thương mại quốc tế	3	3	
8	0301002562	Quản trị cung ứng và logistic	3	3	
9	0301000376	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
10	0301002548	Quản trị dự án đầu tư quốc tế	3	2	1
11	0301001649	Quản trị tài chính	3	2	1
12	0301000571	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	1
13	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
3.2 Thực tập và tốt nghiệp			12		
1	0301002553	Thực tập tốt nghiệp – Logistics	4		4
		Loại hình 1:	8		
2	0301002554	Khóa luận tốt nghiệp – Logistics	8		8
		Loại hình 2:	8		
3	0301002555	Tiểu luận tốt nghiệp – Logistics	4		4
		Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4		
		Phần tự chọn:	4		
4	0301000863	Quản trị doanh nghiệp	2	2	
5	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	2	
6	0301002566	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	

10.2 Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Quản trị học	3	30	30
2	Pháp luật đại cương	2	30	
3	Toán cao cấp	3	45	
4	Tin học căn bản	3		90
5	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		30
	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			

6	Nguyên lý Marketing	3	45	
TỔNG CỘNG		14+1	150	150

Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1	4	60	
2	Triết học Mác – Lênin	3	45	
3	Luật kinh tế	2	30	
4	Kinh tế vi mô	3	30	30
5	Thống kê kinh doanh	3	30	30
6	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		30
	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
TỔNG CỘNG		15+1	195	90

Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh**	8		165
2	Tiếng Anh định hướng ToEIC 2	4	60	
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	
TỔNG CỘNG		6+8	90	

Học kỳ 4

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Nguyên lý kế toán	3	30	30
2	Kinh tế vĩ mô	3	30	30
3	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		30
	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1- Logistics	3	45	
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	15	30
TỔNG CỘNG		13+1	150	120

Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Toán kinh tế	3	30	30
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
3	Kinh tế quốc tế	3	30	30
4	Tiếng Anh chuyên ngành 2- Logistics	3	45	
5	Nguyên lý cơ bản về logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	45	
TỔNG CỘNG		14	180	60

Học kỳ 6

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
Phần bắt buộc		10	105	90
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
2	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	30	30
3	Quản trị sản xuất	3	30	30
4	Thuế	2	15	30
Phần tự chọn		6	60-75	0-30
4	Quản lý nhà nước về hải quan	3	45	
5	Quản trị chất lượng	3	30	30
6	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	30
7	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	30	30
TỔNG CỘNG		16	165-180	90-120

Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
Phần bắt buộc		9	105	60
1	Quản lý kho hàng và phân phối	3	30	30
2	Luật thương mại quốc tế	3	45	
3	Thanh toán quốc tế	3	30	30
Phần tự chọn		6	60-75	0-60
4	Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng	3	30	30
5	Quản trị cung ứng và logistic	3	45	0

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
6	Truyền thông trong kinh doanh quốc tế	3	30	30
7	Quản trị thương hiệu	3	30	30
8	Đàm phán thương mại quốc tế	3	45	
TỔNG CỘNG		15	165-180	60-120

Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
Phần bắt buộc		10	60	180
1	Quản lý vận tải và khai thác cảng	3	30	30
2	Nghiệp vụ hải quan	3	30	30
3	Thực tập nghề nghiệp - Logistics	4		120
Phần tự chọn		3	30	30
5	Nhượng quyền thương mại	3	30	30
6	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	30	30
7	Quản trị dự án đầu tư quốc tế	3	30	30
8	Quản trị tài chính	3	30	30
TỔNG CỘNG		13	90	210

Học kỳ 9

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Vận tải biển và hàng không	3	30	30
2	Quản trị chiến lược	3	30	30
3	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	30	30
4	Lập kế hoạch logistics & quản lý chuỗi cung ứng	3	30	30
TỔNG CỘNG		12	120	120

Học kỳ 10

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
Phần bắt buộc				
1	Thực tập tốt nghiệp - Logistics	4		120
Phần tự chọn				
	Loại hình 1:	8		
2	Khóa luận tốt nghiệp - Logistics	8		240
	Loại hình 2:	8		

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH
3	Tiểu luận tốt nghiệp - Logistics	4		120
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4		
4	Quản trị doanh nghiệp	2	30	
5	Khởi sự kinh doanh	2	30	
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	
TỔNG CỘNG		12	0-60	240-360

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

11.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

11.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành. Hướng dẫn sinh viên thuyết trình tại lớp, làm tiểu luận.

11.3. Kiểm tra, đánh giá

- Điểm đánh giá đối với học phần bao gồm:
 - o Điểm quá trình: chuyên cần, bài tập, thảo luận trên lớp...: 30%-50%
 - o Điểm thi kết thúc học phần: 70%-50%
- Đối với học phần có tiểu luận, thực hành, thực tập: điểm đánh giá là trung bình cộng của các bài tập và bài thực hành.

– Học phần Thực tập cơ sở được tính theo điểm báo cáo và bài tiểu luận

11.4. Đối với sinh viên

– Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

– Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

– Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn thể mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

11.5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập

– Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

– Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng đồ họa, tin học ứng dụng thiết kế, tin học ứng dụng mô phỏng các quá trình.

